

Số: 95 /KH-UBND

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 6 năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030

I. Sự cần thiết

Chất lượng dân số là phản ánh các đặc trưng về thể chất, trí tuệ và tinh thần của toàn bộ dân số. Nghị quyết số 21-NQ/TW nêu rõ “*Công tác dân số phải chú trọng toàn diện các mặt quy mô, cơ cấu, phân bố, đặc biệt là chất lượng dân số*” và “*Phát triển mạng lưới cung cấp các dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh*”. Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 nhấn mạnh “*Nhân rộng các mô hình có hiệu quả, tập trung đầu tư ở một số địa bàn trọng điểm, từng bước mở rộng và tiến tới phổ cập việc cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, bao gồm giảm táo hôn và hôn nhân cận huyết thống. Đặc biệt chú trọng triển khai cung cấp dịch vụ phát hiện sớm nguy cơ, phòng ngừa di truyền các bệnh nguy hiểm ở thai nhi và trẻ em*”.

Tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh để phát hiện, can thiệp và điều trị sớm các bệnh, tật, các rối loạn chuyển hóa, di truyền ngay trong giai đoạn bào thai và sơ sinh giúp cho trẻ sinh ra phát triển bình thường hoặc tránh được những hậu quả nặng nề về thể chất và trí tuệ, giảm thiểu số người tàn tật, thiếu năng trí tuệ trong cộng đồng, góp phần nâng cao chất lượng dân số.

Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình (DS-KHHGD) tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian qua đã đạt nhiều kết quả quan trọng: Tốc độ gia tăng dân số được khống chế, mức sinh thay thế được tiếp tục duy trì qua nhiều năm. Cơ cấu dân số chuyển dịch tích cực, chất lượng dân số từng bước được cải thiện; dân số phân bố hợp lý hơn. Dịch vụ dân số được mở rộng, chất lượng ngày càng cao, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Chương trình tầm soát trước sinh và sơ sinh nhằm can thiệp sớm đến quá trình mang thai và ngay sau khi sinh được triển khai từ năm 2009, từng bước được mở rộng, đây là một trong những giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng dân số, chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng giống nòi.

II. Căn cứ ban hành

- Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

- Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

- Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030;

- Quyết định số 2539/QĐ-BYT ngày 24/5/2021 của Bộ Y tế ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030;

- Công văn số 7375/BYT-TCDS ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế triển khai thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật, trước sinh và sơ sinh đến năm 2030.

III. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh nhằm nâng cao chất lượng dân số, góp phần thực hiện thành công Chiến lược dân số của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 70% năm 2025; 90% năm 2030 và giảm 50% số cặp tảo hôn, giảm 60% số cặp hôn nhân cận huyết thống.

- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh) ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất gồm: Down, Edwards, Patau và bệnh tan máu bẩm sinh Thalassemia đạt 50% năm 2025; 70% năm 2030.

- Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) ít nhất 5 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến nhất gồm: suy giáp trạng bẩm sinh, thiếu men G6PD, tăng sản thượng thận bẩm sinh, tim bẩm sinh và khiếm thính bẩm sinh đạt 70% năm 2025; 90% năm 2030.

- Tỷ lệ xã có điểm, cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn đạt 70% năm 2025; 90% năm 2030.

- Tỷ lệ cơ sở y tế tuyến huyện trở lên đủ năng lực cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn đạt 70% năm 2025; 90% năm 2030.

- Phát triển 02 cơ sở sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh vào năm 2025; duy trì và mở rộng đến năm 2030.

IV. Thời gian, phạm vi và đối tượng

1. Thời gian thực hiện: Từ năm 2021 đến năm 2030.

- Giai đoạn 1: Từ năm 2021-2025: Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các hoạt động Chương trình.

- Giai đoạn 2: Từ năm 2026-2030: Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch giai đoạn 2021-2025, xây dựng các hoạt động phù hợp trong giai đoạn 2026-2030.

2. Phạm vi thực hiện: Triển khai tại 13 huyện, thị xã, thành phố và 173 xã, phường, thị trấn trên địa bàn toàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Đối tượng

- Đối tượng thụ hưởng: Trẻ vị thành niên, thanh niên; nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ, phụ nữ có thai và trẻ sơ sinh.

- Đối tượng tác động: Người dân trong toàn xã hội, sở ban, ngành, đoàn thể, cán bộ y tế, dân số, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện.

V. Nhiệm vụ, giải pháp

1. Cơ chế chính sách, quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật

a) Về cơ chế, chính sách

- Rà soát các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, bảo trợ xã hội; người dân tại xã đặc biệt khó khăn; xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi; vùng nhiễm chất độc dioxin được sử dụng miễn phí gói dịch vụ cơ bản của chương trình.

- Xã hội hóa cung ứng dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh.

b) Về chuyên môn kỹ thuật

Rà soát, bổ sung quy trình chuyên môn kỹ thuật; quy chuẩn, tiêu chuẩn của cơ sở cung cấp dịch vụ về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh, sơ sinh; bộ công cụ giám sát, đánh giá chất lượng dịch vụ và trang thiết bị, dụng cụ, sinh phẩm y tế.

2. Tuyên truyền vận động và huy động xã hội tham gia

a) Cung cấp thông tin về các hoạt động của Chương trình tới chính quyền các cấp. Tuyên truyền, vận động các đoàn thể, tổ chức, người có uy tín trong cộng đồng và người dân ủng hộ, tham gia thực hiện. Lồng ghép với các hoạt động, chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ liên quan.

- Tổ chức các buổi hội nghị, nói chuyện chuyên đề nhằm thông tin về Chương trình.

- Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng: Xây dựng phóng sự, chuyên trang trên Báo Quảng Ngãi, Đài Phát thanh-Truyền hình Quảng Ngãi, hệ thống đài truyền thanh cấp huyện, cấp xã về mục đích, ý nghĩa, các nội dung, kết quả triển khai thực hiện Chương trình, các thông tin về sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh huy động người dân và cộng đồng thực hiện nghiêm các quy định về cấm tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; các nội dung liên quan đến tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn cho thanh niên.

- Tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, website của các ngành... đồng thời, tận dụng mạng xã hội trong hoạt động quảng bá, cung cấp thông tin, tuyên truyền cho các nhóm đối tượng.

b) Phổ biến, giáo dục pháp luật vận động người dân và cộng đồng thực hiện nghiêm các quy định cấm tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; thanh niên không tảo hôn, không kết hôn cận huyết. Huy động các ngành, đoàn thể tham gia tuyên truyền về tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Tổ chức các sự kiện, hội nghị, nói chuyện chuyên đề về các quy định công tác dân số, vận động người dân và cộng đồng thực hiện nghiêm các qui định về cấm tảo hôn, hôn nhân cận huyết...

- Biên soạn, nhân bản các tài liệu tuyên thông (tờ rơi, sách mỏng, áp phích...) cấp cho cá nhân liên quan.

c) Đẩy mạnh tư vấn cộng đồng, vận động thanh niên thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; phụ nữ mang thai thực hiện sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh; trẻ sơ sinh được thực hiện sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh.

- Tổ chức mittinh, hội thi, hội diễn; tổ chức các hoạt động truyền thông như: Ngày Dân số Thế giới 11/7; Ngày Dân số Việt Nam 26/12; Tháng hành động Quốc gia về Dân số (tháng 12).

- Xây dựng các cụm pa nô, in tờ rơi, áp phích... phục vụ công tác tuyên truyền tại nơi tập trung đông dân cư và tại các cơ sở y tế cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh.

- Các sở ban ngành, hội đoàn thể các cấp triển khai việc lồng ghép tuyên truyền, phổ biến những giá trị, lợi ích của việc thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tham gia thực hiện khám tầm soát phát hiện sớm nguy cơ, phòng ngừa di truyền các bệnh nguy hiểm ở thai nhi và trẻ em vào trong các hoạt động chuyên môn của đơn vị.

- Duy trì, củng cố, xây dựng mới các Câu lạc bộ tiền hôn nhân; Câu lạc bộ Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên; cung cấp, phổ biến các thông tin, kiến thức, kỹ năng về: Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên; tiền hôn nhân; hôn nhân gia đình; sự cần thiết và lợi ích của các hoạt động tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh.

3. Phát triển mạng lưới dịch vụ

- Phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị bệnh, tật trước sinh và sơ sinh.
- Đầu tư trang thiết bị cho cơ sở y tế để đảm bảo đủ điều kiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh.
- Cử viên chức y tế tham gia đào tạo về chuyên môn, tiếp nhận, chuyển giao kỹ thuật phục vụ sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh.
- Tổ chức tập huấn cho viên chức y tế, dân số, cộng tác viên về kỹ năng truyền thông để tuyên truyền, vận động, tư vấn, tham gia sàng lọc trước sinh và sơ sinh tuyến tỉnh, huyện, xã.
- Mở rộng các loại hình cung cấp dịch vụ của các cơ sở y tế trong và ngoài công lập phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn theo hướng bảo đảm người dân tiếp cận, sử dụng các dịch vụ cơ bản tại xã; được tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ.
- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; theo dõi và quản lý đối tượng.
- Tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát hỗ trợ, đánh giá quá trình thực hiện chương trình.

4. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật mới

Nghiên cứu, thử nghiệm và ứng dụng kỹ thuật mới trong tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh để kiến nghị bổ sung danh mục bệnh tầm soát trước khi kết hôn, trước sinh và sơ sinh.

5. Huy động nguồn lực và hợp tác quốc tế

a) Huy động nguồn lực

- Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia chương trình.
- Huy động các ngành, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở tham gia thực hiện các hoạt động của kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Huy động mạng lưới y tế, dân số từ tỉnh đến cơ sở, bao gồm Cộng tác viên dân số và nhân viên y tế thôn bản thực hiện các hoạt động của Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Vận động các nguồn lực, tài trợ trong và ngoài nước để thực hiện hiệu quả các mục tiêu của chương trình.

b) Hợp tác quốc tế

Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm cập nhật, chia sẻ kinh nghiệm; liên doanh, liên kết về chuyên môn, kỹ thuật, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.

VI. Kinh phí thực hiện

- Ngân sách địa phương: Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách trong từng thời kỳ, được bố trí trong dự toán chi của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Lồng ghép Kế hoạch trong các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình dự án khác có liên quan trên địa bàn.

- Ngân sách Trung ương (nếu có).

VII. Tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai Kế hoạch, bảo đảm gắn kết chặt chẽ với các kế hoạch, chương trình, đề án có liên quan cho các cơ quan, đơn vị; hướng dẫn kiểm tra, giám sát và tổng hợp tình hình thực hiện. Định kỳ báo cáo Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Hàng năm chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng dự toán kinh phí thực hiện gửi Sở Tài chính để trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

- Đánh giá kết quả thực hiện để điều chỉnh cho phù hợp.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở Kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện kế hoạch mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, cơ quan truyền thông của tỉnh tuyên truyền các nội dung Kế hoạch và các quy định có liên quan.

4. Ban Dân tộc tỉnh

Phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

5. Các Sở: Tư pháp, Lao động – Thương binh và xã hội

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành rà soát, sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thực hiện chính sách về hôn nhân, gia đình liên quan đến tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Sở Y tế, các ngành đoàn thể liên quan lồng ghép nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong nhà trường.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương và nội dung mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030, xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện; lồng ghép với các chương trình, đề án, dự án liên quan trên địa bàn.

Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch và định kỳ báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Y tế) theo quy định.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp triển khai các hoạt động của Kế hoạch; đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục, nâng cao nhận thức của đoàn viên, hội viên.

VIII. Công tác thống kê, báo cáo

Các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Y tế) kết quả thực hiện chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 (gửi trước ngày 15/12 của năm)./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PT-TH, Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP(VX), CBTH;
- Lưu: VT, KGVX_{lmc535}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Phiên